



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Ninh Viết Định	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/03/2011)
Ông Lê Tuấn Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/03/2011)
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/05/2011)

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Các công ty con: bao gồm các công ty mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, Công ty có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo luật Doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Công ty con bao gồm:

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên - Tỷ lệ sở hữu vốn và biểu quyết là 98%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ và công ty con, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết.

Vốn đầu tư vào các Công ty liên kết được trình bày dưới dạng đầu tư tài chính và được trình bày theo phương pháp giá gốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011



Số: 01/2011/UHY-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

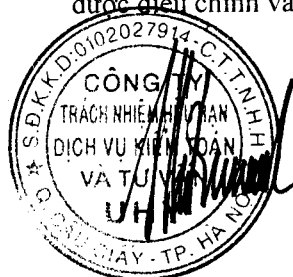
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 28/07/2011, trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Thay vì đưa ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 19 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty vẫn đang trong giai đoạn đàm phán giá mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó, giá bán điện hiện tại tạm tính bằng 90% đơn giá bán điện năm 2010 theo Công văn số 629/EVN-TCKT ngày 03/03/2011. của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Sau khi có thỏa thuận giá mua bán điện chính thức, doanh thu trong kỳ có thể sẽ thay đổi và được điều chỉnh vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vào cuối năm.

**Nguyễn Tự Trung**
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

*Thay mặt và đại diện cho***CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Hà Minh Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1221/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30/06/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.740.027.104	187.568.904.959
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.700.116.416	1.875.564.395
Tiền	111		4.446.734.217	1.375.564.395
Các khoản tương đương tiền	112		1.253.382.199	500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.118.141.795	119.126.251.282
Đầu tư ngắn hạn	121	5	35.118.141.795	119.126.251.282
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.810.618.785	60.428.795.573
Phải thu khách hàng	131		23.309.278.726	38.407.465.375
Trả trước cho người bán	132		1.227.091.545	441.250.000
Các khoản phải thu khác	135	6	14.274.248.514	21.580.080.198
Hàng tồn kho	140		6.029.301.214	5.109.636.963
Hàng tồn kho	141	7	6.029.301.214	5.109.636.963
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.081.848.894	1.028.656.746
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	152.048.529
Thuế GTGT được khấu trừ	152		687.389.894	477.094.317
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.394.459.000	399.513.900
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.092.044.543.263	1.133.198.520.197
Tài sản cố định	220		891.068.316.619	940.923.682.036
Tài sản cố định hữu hình	221	9	848.031.091.903	913.048.101.068
- Nguyên giá	222		1.966.764.206.234	1.966.617.620.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.118.733.114.331)	(1.053.569.519.166)
Tài sản cố định vô hình	227	8	9.874.407.152	10.005.869.487
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(195.157.608)	(63.695.273)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	33.162.817.564	17.869.711.481
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	200.832.000.000	190.968.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.400.000.000	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		198.432.000.000	188.568.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		144.226.644	1.306.838.161
Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	1.088.750.910
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		19.684.751	19.684.751
Tài sản dài hạn khác	268		-	198.402.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.179.784.570.367	1.320.767.425.156

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2011

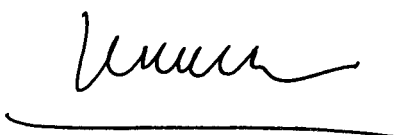
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		495.178.428.333	539.581.716.970
Nợ ngắn hạn	310		79.688.179.887	124.091.468.524
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	38.812.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		3.202.976.425	5.586.064.485
Người mua trả tiền trước	313		228.000.000	228.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.441.407.111	6.488.804.325
Phải trả người lao động	315		3.639.217.483	11.722.305.510
Chi phí phải trả	316	14	20.230.507.212	15.305.860.874
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	6.391.512.656	5.077.827.431
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.742.559.000	2.058.605.899
Nợ dài hạn	330		415.490.248.446	415.490.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	16	415.490.248.446	415.490.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		684.606.142.034	781.185.708.186
Vốn chủ sở hữu	410	17	684.606.142.034	781.185.708.186
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.194.370.607	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		18.189.693.756	12.057.749.614
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.350.154.189	12.197.387.119
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(51.128.076.518)	56.930.571.453
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (*)	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.179.784.570.367	1.320.767.425.156

(*) Tại ngày 30/06/2011, toàn bộ số vốn thực góp vào Công ty con được góp bởi Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Do đó, không phát sinh "Lợi ích của cổ đông thiểu số".

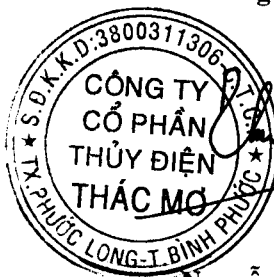
Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

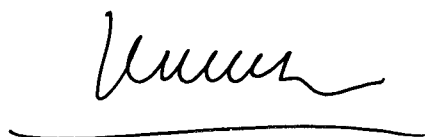
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	62.832.405.624
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.832.405.624
Giá vốn hàng bán	11	19	76.081.470.071
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(13.249.064.447)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.237.578.010
Chi phí tài chính	22		37.178.072.046
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.178.072.046
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.566.141.715
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(51.755.700.198)
Thu nhập khác	31		370.495.324
Chi phí khác	32		329.706.278
Lợi nhuận khác	40		40.789.046
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(51.714.911.152)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(51.714.911.152)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số (*)	61		-
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		(51.714.911.152)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

(*) Trong kỳ, toàn bộ số vốn thực góp vào Công ty con được góp bởi Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Do đó, không phát sinh "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số".

Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



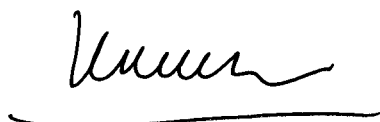
Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1		(51.714.911.152)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2		65.295.057.500
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(3.150.472.891)
Chi phí lãi vay	6		37.178.072.046
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		47.607.745.503
Tăng giảm các khoản phải thu	9		18.186.297.795
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(919.664.251)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(5.781.113.666)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.194.996.549
Tiền lãi vay đã trả	13		(35.060.397.051)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.517.769.797)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		444.399.942
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.031.623.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.122.871.844
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.005.043.408)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.404.401.988)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		86.701.271.071
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(16.019.071.300)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.085.854.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		58.358.608.877
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.155.071.300
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.812.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(74.656.928.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.824.552.021
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	1.875.564.395
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	5.700.116.416

Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/03/2011 do Sở KHĐT tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3. CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên

- Địa chỉ: số 1195 Trần Phú, Phường Lộc tiến, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”) và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con, các sổ dư nội bộ và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Thời điểm trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi kết thúc năm tài chính.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối kỳ là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Quyền sử dụng đất của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn vào các Công ty khác nhằm thu lợi nhuận.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp giá gốc. Công ty sẽ ghi nhận khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất vào thời điểm cuối năm.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết, các khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.9 NGOẠI TỆ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Công ty đang trong giai đoạn đàm phán giá bán điện, do đó giá bán điện hiện tại bằng 90% đơn giá bán điện năm 2010 theo Công văn số 629/EVN-TCKT ngày 03/03/2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Sau khi có thoả thuận giá mua bán điện chính thức, doanh thu trong kỳ sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty và các Công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Tiền mặt	50.213.690	186.109.109
Tiền gửi ngân hàng	4.396.520.527	1.189.455.286
Các khoản tương đương tiền (*)	1.253.382.199	500.000.000
Cộng	5.700.116.416	1.875.564.395

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn xác định không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn xác định trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Trả hộ BQLDA Thủy điện Thác Mơ mở rộng	7.906.529.625	7.737.777.485
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.611.806.308	3.405.480.333
Ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	3.685.961.200	10.340.036.900
Phải thu khác	69.951.381	96.785.480
Cộng	14.274.248.514	21.580.080.198

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.201.563.135	3.882.714.202
Công cụ, dụng cụ	254.437.821	280.963.345
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.573.300.258	945.959.416
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	6.029.301.214	5.109.636.963

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043. Tại ngày 30/06/2011, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 5.803.347.185 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 151.624.776 đồng, giá trị còn lại là 5.651.722.409 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059. Tại ngày 30/06/2011, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 4.266.217.575 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 43.532.832 đồng, giá trị còn lại là 4.222.684.743 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2011	1.242.551.573.754	597.751.383.753	116.854.031.938	9.460.630.789	1.966.617.620.234
- Mua trong kỳ		-	-	146.586.000	146.586.000
Tại ngày 30/06/2011	1.242.551.573.754	597.751.383.753	116.854.031.938	9.607.216.789	1.966.764.206.234
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2011	(601.250.456.447)	(376.716.022.350)	(66.209.403.978)	(9.393.636.391)	(1.053.569.519.166)
- Khấu hao trong kỳ	(22.074.230.394)	(36.578.961.486)	(6.471.146.190)	(39.257.095)	(65.163.595.165)
Tại ngày 30/06/2011	(623.324.686.841)	(413.294.983.836)	(72.680.550.168)	(9.432.893.486)	(1.118.733.114.331)
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2011	641.301.117.307	221.035.361.403	50.644.627.960	66.994.398	913.048.101.068
Tại ngày 30/06/2011	619.226.886.913	184.456.399.917	44.173.481.770	174.323.303	848.031.091.903

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

424.015.545.952 đồng
12.641.238.277 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	33.162.817.564	17.869.711.481
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Dự án Thủy điện Đại Nga	30.002.718.827	17.536.584.087
+ Nâng cấp thiết bị thị trường điện	815.999.129	333.127.394
+ Đại tu tổ máy H1	2.052.817.923	-
+ Nhà xe khách	271.281.685	-
+ Xây dựng cơ bản khác	20.000.000	-

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	2.400.000.000	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	198.432.000.000	188.568.000.000
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty CP thủy điện Sesan 4	9.978.000.000	9.978.000.000
Công ty CP thủy điện Sêrêpok	10.800.000.000	10.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	26.974.000.000	17.110.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	149.580.000.000
Cộng	200.832.000.000	190.968.000.000

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	38.812.000.000	77.624.000.000
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	21.312.000.000	42.624.000.000
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	17.500.000.000	35.000.000.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Thuế GTGT	2.004.421.848	929.887.644
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	148.593.045	4.666.362.842
Thuế thu nhập cá nhân	19.830.806	71.242.172
Thuế tài nguyên	1.268.561.412	821.311.667
Cộng	3.441.407.111	6.488.804.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.140.098.737	333.127.394
Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.120.658.475	5.916.289.034
Lãi vay phải trả Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	9.969.750.000	9.056.444.446
Cộng	20.230.507.212	15.305.860.874

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	110.067.190	138.760.427
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.719.565.912	4.370.227.326
Các khoản phải trả khác	1.561.879.554	568.839.678
Cộng	6.391.512.656	5.077.827.431

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	415.490.248.446	415.490.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	170.490.248.446	170.490.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	245.000.000.000	245.000.000.000
Cộng	415.490.248.446	415.490.248.446

- (1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ.

Từ 2011 đến 2015: Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

- (2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa là 10 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tiền gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ ngày 11/04/2009.

Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2010	700.000.000.000	-	-	7.057.749.614	3.453.588.532	141.875.506.513	852.386.844.659				
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	23.642.062.253	23.642.062.253				
- Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	-	5.000.000.000	8.743.798.587	(13.743.684.813)	113.774				
- Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.843.312.500)	(3.843.312.500)				
- Tạm chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)				
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(42.000.000.000)	(42.000.000.000)				
Tại ngày 31/12/2010	700.000.000.000	-	-	12.057.749.614	12.197.387.119	56.930.571.453	781.185.708.186				
Tại ngày 01/01/2011	700.000.000.000	-	-	12.057.749.614	12.197.387.119	56.930.571.453	781.185.708.186				
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(51.714.911.152)	(51.714.911.152)				
- Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	-	10.326.314.749	1.152.767.070	(11.479.081.819)	-				
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.864.655.000)	(2.864.655.000)				
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	-	(42.000.000.000)	(42.000.000.000)				
- Chuyển nguồn vốn (*)	-	4.194.370.607	-	(4.194.370.607)	-	-	-				
Tại ngày 30/06/2011	700.000.000.000	4.194.370.607	-	18.189.693.756	13.350.154.189	(51.128.076.518)	684.606.142.034				

(*) Tăng Vốn khác của chủ sở hữu đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thưởng	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thưởng	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000	10.000

17.3 CỔ TỨC

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/05/2011 quyết định chia cổ tức năm 2010 là 12% tính trên mệnh giá cổ phần.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2011
	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.832.405.624
Trong đó:	
+ Doanh thu bán điện (*)	62.406.002.342
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	426.403.282

(*) Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đang trong giai đoạn đàm phán giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó, giá bán điện hiện tại được tạm tính bằng 90% đơn giá bán điện năm 2010 theo Công văn số 629/EVN-TCKT ngày 03/03/2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Sau khi có thoả thuận giá mua bán điện chính thức, doanh thu trong kỳ có thể sẽ thay đổi và được điều chỉnh vào kết quả kinh doanh cuối năm.

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2011
	VND
Giá vốn sản xuất điện	75.780.810.796
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	300.659.275
Cộng	76.081.470.071

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2011
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.237.578.010
Cộng	3.237.578.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

21.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan	62.406.002.343
- Công ty mua bán điện	62.406.002.343
Chi phí với các bên liên quan	37.178.072.046
- Lãi vay Tập đoàn Điện lực	15.165.721.353
- Lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	22.012.350.693

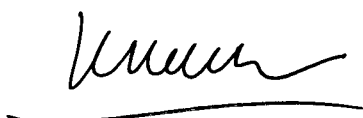
Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2011 VND
Các khoản phải thu	21.890.213.670
- Công ty mua bán điện	21.874.759.125
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	15.454.545
Các khoản phải trả	112.000.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	112.000.000
Các khoản vay	415.490.248.446
- Vay của Tập đoàn Điện lực	170.490.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	245.000.000.000
Chi phí phải trả	17.090.408.475
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	7.120.658.475
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	9.969.750.000

21.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Do Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên trở thành Công ty con của Công ty sau ngày 30/06/2010 nên Công ty không phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Theo đó, không có số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Bình Phước, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Thanh Phú